

## YẾU TỐ VĂN HÓA TRONG DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Phương Sửu<sup>(\*)</sup>

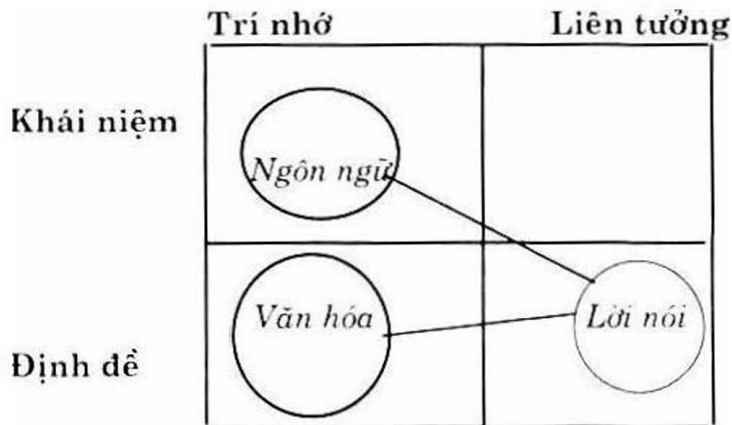
Bài viết này xin được bắt đầu bằng một nhận xét của một giáo viên nước ngoài dạy tiếng Anh ở Việt Nam "He was very fluent and he got every word we spoke but he didn't seem to understand what we really meant - Anh ta rất thạo và nghe được mọi từ chúng tôi nói, nhưng hình như anh ta không hiểu chúng tôi thật sự muốn nói gì". Lời nhận xét đó, không có chút phàn nàn gì về trình độ tiếng Anh của người kia. Cái gì khiến người kia không hiểu người bản ngữ tiếng Anh ý muốn nói gì? Rõ ràng, trong trường hợp này không phải do hàng rào ngôn ngữ đơn thuần, mà còn có cái gì đó vượt ngoài ngôn từ và các quy tắc ngữ pháp. Đây có lẽ là do sự khác biệt văn hóa, người nghe không cảm nhận được cái nghĩa đằng sau ngôn từ - có thể chỉ là một chút về ngữ điệu, một từ có nét nghĩa dí dỏm có mối liên hệ nào đó với kiến thức nền hoặc có tính văn hóa đặc thù? ... Như vậy, để hiểu được cái ý tứ của người nói không chỉ cần có ngữ pháp giỏi, phát âm chuẩn xác. Điều đó thật chẳng dễ dàng. Để có thể đồng cảm với cái cười của người nói thứ tiếng khác, khả năng ngôn ngữ đơn thuần chỉ là *điều kiện cần nhưng chưa đủ*.

### Ngôn ngữ, văn hóa và tư duy

Có nhiều định nghĩa khác nhau về *văn hóa*. Nhưng, hầu hết các định nghĩa về văn hóa đều thống nhất nói đến một "thuộc tính" có tính chất tài sản của một cộng đồng, đặc biệt là những gì khu biệt cộng đồng đó với những cộng đồng khác (Hudson [7, tr.73]).

Các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học xã hội cho thấy, mỗi xã hội hay cộng đồng ngôn ngữ đều hình thành và tích lũy những quy ước mà theo đó một phát ngôn cụ thể được hiểu một cách trừu tượng nhưng có giá trị giao tiếp giữa những người sử dụng chung những quy ước đó. Đây chính là quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. Những cộng đồng ngôn ngữ xa nhau về cấu trúc kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa thì sự khác biệt về văn hóa càng lớn và càng gây nhiều trở ngại cho giao tiếp và khó khăn cho người học ngoại ngữ. Goodenough [5] phát biểu rằng, trong văn hóa đã có ngôn ngữ, tiếng nói của một xã hội là một bộ phận của nền văn hóa (...). Quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hóa là quan hệ của bộ phận với tổng thể. Quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy được thể hiện như sau:

<sup>(\*)</sup> MA, Trung tâm nghiên cứu PP & KTCL, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội



(Hudson, 1991)

Sơ đồ quan hệ cho thấy, các yếu tố ngôn ngữ đồng thời là các khái niệm, được nhìn nhận là những phạm trù mà chúng ta sử dụng để phân tích kinh nghiệm thực tại. Ngữ nghĩa cũng đồng thời là các khái niệm, và các phạm trù xã hội có liên quan đến ngôn ngữ là các khái niệm. Trong khi đó, ngữ nghĩa cấp độ câu là các định đề.

Nói về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, Osterloh [8, tr.77] cũng nhận xét: Ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là một hệ thống âm thanh, từ và những chuỗi quy tắc ngữ pháp mà còn đi sâu vào lĩnh vực hoạt động giao tiếp của con người theo những quy luật riêng.

### Yếu tố văn hóa trong dạy - học ngoại ngữ

#### *Thái độ đối với văn hóa ngoại ngữ (TLC) và ảnh hưởng tương hỗ*

Khi tiếp xúc với văn hóa ngoại ngữ, người học ngoại ngữ có thể trải qua những tâm lý và phản ứng khác nhau. Những phản ứng tâm lý và thái độ đối với văn hóa ngoại ngữ có thể ở những thái cực khác nhau - từ rụt rè, mặc cảm tự ti đến coi thường, chối từ hoặc bài xích. Thái độ cực đoan đối với TLC đều không dẫn đến hiệu quả cao trong giao tiếp. Thái độ đó khác nhau tùy thuộc văn hóa tiếng mẹ đẻ (SLC) của người học sử dụng ngoại ngữ.

Nhiều nhà nghiên cứu (Richards, White et al [9]) cho thấy, sau một thời gian học tập tiếng nước ngoài, có nghĩa là sau khi tiếp xúc gián tiếp với nền văn hóa ngoại ngữ, thái độ của người học đối với TLC có chuyển biến. Những chuyển biến đó có thể theo những chiều hướng như vừa bàn ở trên. Nếu thời gian và cường độ tiếp xúc càng dài, càng mạnh và độ "thấm" thông qua "bộ lọc" của người học càng nhạy bén thì, thậm chí, lối tư duy bằng ngôn ngữ và hành vi ứng xử của người học đó cũng chuyển biến. Một số nghiên cứu về tâm lý - ngôn ngữ cũng nhận xét rằng, hành vi tình cảm, ứng xử khi giao tiếp của người học ngoại ngữ đến mức độ nào đó sẽ chịu ảnh hưởng của TLC.

\* *Dạy và học ngoại ngữ hướng vào văn hóa nào?*

Mục đích của quá trình học một ngoại ngữ là đạt được *năng lực giao tiếp* bằng thứ tiếng đó. Năng lực giao tiếp bao gồm khả năng ngôn ngữ và khả năng sử dụng phương tiện ngôn ngữ thích hợp với quy ước giao tiếp trong xã hội (Richards [9]). Như vậy, muốn giao tiếp thành công, ngoài việc nắm chắc hệ thống hình thái ngôn ngữ, người học cần hiểu và sử dụng được những quy ước văn hóa giao tiếp của cộng đồng người bản ngữ. Có nghĩa là, người nói và người nghe phải "*be on the same wavelength*" như nhiều nhà nghiên cứu dùng cụm từ để chỉ hiện tượng này. Ví dụ có thực sau đây, có thể cho ta một minh họa.

Xung hô là một hành động lời nói chịu ảnh hưởng của quy ước văn hóa cộng đồng ngôn ngữ cụ thể. Trong một buổi gặp mặt khá trang trọng để bắt đầu một hội thảo khoa học, một vị có trách nhiệm của ta bắt đầu bài diễn văn bằng "*Dear comrade Martyn, ...*". Người có tên là Martyn sau đó cho biết, anh ta rất lúng túng và có cảm giác khó chịu (*I felt embarrassed and uneasy*) về cách xưng hô đó vì không hiểu vị người Việt kia có ẩn ý gì khi dùng từ *comrade* (*đồng chí*). Chúng ta là người Việt hiểu rất rõ nguyên do là dấu - một chuyển di tiêu cực từ văn hóa giao tiếp tiếng mẹ đẻ. Vị người Việt kia hoàn toàn có ý tốt, muốn tôn trọng Martyn, nên đã nói *Đồng chí Martyn* - một từ thường được dùng để xưng hô trong các cuộc họp của người Việt đương đại.

\* *Văn hóa ngoại ngữ (TLC) và văn hóa tiếng mẹ đẻ (SLC)*

Trong quá trình học, người học ngoại ngữ cần được ý thức về những khác biệt giữa văn hóa ngoại ngữ (TLC) và văn hóa tiếng mẹ đẻ (SLC) bằng những so sánh trong những tình huống cụ thể. Liều lượng văn hóa ngoại ngữ trong quá trình dạy - học cao hay thấp tùy thuộc vào mục đích và nhu cầu giao tiếp của người học - đi du học, dự hội nghị ở nước ngoài hay để sử dụng đọc sách ở trong nước. Trong thực tế, những người có cùng kiến thức văn hóa nền thường hiểu nhau dễ dàng hơn ngay trong giao tiếp bằng chính tiếng mẹ đẻ. Điều này cũng đúng với những tình huống giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. Người càng có nhiều kinh nghiệm thực tế càng dễ dàng trong giao tiếp.

Những tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể đôi khi được nói đến là "*văn hóa vi mô*". Văn hóa vi mô bao gồm văn hóa giao tiếp, văn hóa ăn uống (ẩm thực), ăn mặc, văn hóa hội hè, văn hóa thưởng thức nghệ thuật, v.v.... Để *sử dụng* một ngoại ngữ, người học không những chỉ cần hiểu về văn hóa chung mà còn hiểu về văn hóa vi mô, đặc biệt những khác biệt giữa văn hóa ngoại ngữ và văn hóa tiếng mẹ đẻ.

Sự khác biệt trong cách chào hỏi của các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau là một ví dụ minh họa. Người nói tiếng Anh có thể dùng câu *How are you?* một câu hỏi về tình trạng sức khỏe để làm lời chào. Trong khi đó người nói tiếng Việt có thể dùng câu (*Anh*) *đi đâu đấy?* (*Anh*) *ăn cơm chưa?* để thể hiện cùng một mục đích. Nếu xét về cấu trúc bề

nói, cả hai câu trên không phải là lời chào nhưng cộng đồng người nói tiếng Anh và tiếng Việt đã ngầm quy ước và hiểu đó là lời chào để có ứng xử thích hợp (Suu [10, tr.89]). Có những giả thiết hài hước cho rằng, người Việt (và một số dân tộc ở Châu á) là những dân tộc từng thiếu đói cho nên hay quan tâm đến bữa ăn !? Còn người Anh, có lẽ là dân tộc yếu đuối nên hay quan tâm đến sức khỏe!?

Cùng như vậy, cách trao và nhận lời khen cũng thật khác nhau giữa các cộng đồng ngôn ngữ. Ví dụ, đáp lại lời khen, người nói tiếng Anh thường cảm ơn, trong khi đó người nói tiếng Việt thường khước từ hoặc chấp nhận với lời khước từ làm giảm mức độ của lời khen (Suu [11, tr.42]).

Những tình huống gây khó khăn cho người học cũng như người sử dụng ngoại ngữ chính là những tình huống có nhiều sự khác biệt giữa hai văn hóa. Thiếu sự rèn luyện đầy đủ, người sử dụng ngoại ngữ rất có thể chuyển đi những quy ước văn hóa và lối diễn đạt từ văn hóa tiếng mẹ đẻ. Trường hợp này, thường được người ta gọi là *chuyển đi tiêu cực* về giao tiếp. Ví dụ để tỏ sự quan tâm đến người khác, người thuộc văn hóa tiếng Việt có thể hỏi những câu hỏi về đời tư của người kia. Trong khi đó, những câu hỏi như vậy là điều kiêng kỵ đối với người thuộc văn hóa tiếng Anh.

Trong quá trình học, có nhiều cách tiếp cận để hiểu về TLC. Một trong những con đường là, người học ngoại ngữ cần có cơ hội được so sánh, đối chiếu và được ý thức về những khác biệt giữa văn hóa ngoại ngữ (TLC) và văn hóa tiếng mẹ đẻ (SLC) thông qua những so sánh trong tình huống cụ thể.

### Đo lường chuyển biến về thái độ

Con người có nhiều phương tiện đo lường khác nhau trong giáo dục, có thể bằng quan sát hành vi của một cá nhân hoặc một tập thể trong tình huống nhất định. Những tình huống đó có thể là tình huống thực hoặc mô phỏng. Ngoài những quan sát từ bên ngoài, người ta có thể cho đối tượng tự quan sát và đánh giá lẫn nhau qua những nhận xét của chính họ. Lời của người này sẽ là bài học cho người khác.

Trong quá trình đào tạo, người ta muốn biết sự chuyển biến thái độ đối với TLC ở phía người học ra sao. Biện pháp đo lường phổ biến nhất vẫn là thông qua kiểm tra. Cách đơn giản nhất là, kiểm tra đầu và cuối chương trình sử dụng cùng nội dung kiểm tra. Thông tin thu được về sự khác nhau giữa phản ứng của hai đợt có thể cho ta một số nhận định nào đó về sự chuyển biến trong thái độ người học. Những bài kiểm tra như vậy có thể thực hiện khuyết danh thí sinh.

Tuy vậy, bài kiểm tra thái độ nên tập trung đo đạc điểm tập thể hơn là đo cái từng cá nhân biết hoặc cảm nhận về chủ đề được nêu ra.

## Kiểm tra hiểu biết về văn hóa

### Lĩnh vực kiểm tra

Người ta đã tổng kết được 5 lĩnh vực chính nên kiểm tra và gởi ý tỷ trọng cho từng lĩnh vực trong một bài kiểm tra về mặt văn hóa như sau:

1. nhận biết được các sự kiện và nhân vật lịch sử ( $\approx 20\%$ )
2. nhận biết được những sự kiện ít quan trọng ( $\approx 19\%$ )
3. nhận biết được những địa danh nổi tiếng ( $\approx 17\%$ )
4. khả năng hiểu từ vựng mang nét văn hóa ( $\approx 13\%$ )
5. quen thuộc với nghệ thuật tạo hình, đặc biệt là kiến trúc ( $\approx 12\%$ )

Ngoài ra một tỷ trọng không nhỏ dành cho những câu hỏi về thói quen, tập quán, truyền thống văn hóa, v.v...

### Loại hình kiểm tra

Như trên đã bàn, trong quá trình học tập, người dạy có thể sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để đo lường chuyển biến về thái độ và hành vi của người học. Thông qua những hoạt động khiến người học tự thử thách mình qua các tình huống giao tiếp thực hoặc mô phỏng khác nhau, hiểu biết và thái độ của họ đã được quan sát và đánh giá.

Tuy vậy, ngoài những hoạt động rèn luyện trong học tập như nói trên, người ta có thể kiểm tra hiểu biết văn hóa ngoại ngữ thông qua hệ thống bài kiểm tra. Trên cơ sở ở những loại hình câu hỏi phổ biến - tự luận và khách quan, người ta có thể cải tiến thành những câu hỏi phù hợp với việc kiểm tra hiểu biết về văn hóa. Một ví dụ đơn giản: Loại câu hỏi MCQ có thể đưa ra vài đáp án đúng thể hiện bằng từ 'option(s)' ở cả số ít và số nhiều trong lời hướng dẫn - nghĩa là có hơn một option đúng, khác với loại thông thường chỉ cho một option đúng. Với phần *Other*, người được kiểm tra có thể phát biểu những ý kiến của mình vượt ngoài những đáp án cho sẵn.

Một loại hình khác kết hợp giữa những câu hỏi nhiều lựa chọn với phần lý giải câu trả lời (JMCQ), ví dụ:

*You are going to a farewell party to an English friend who has finished his term in Vietnam. What would you do or say to him? Mark the option(s) you think appropriate and explain your choice(s).*

- A. *Congratulations! You've done great work!*
- B. *Bon voyage and good luck!*
- C. *See you again!*
- D. *Happy news!*
- E. *Give him a present and say 'Goodbye!'*
- F. *Other (Please specify)*

## Biên soạn sách giáo khoa ngoại ngữ

Tiếng Anh đã từ lâu được sử dụng rộng rãi như một ngoại ngữ ở nhiều cộng đồng ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Trong khi sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp, người sử dụng không thể không chịu sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại ngữ, đồng thời chuyển di những đặc điểm văn hóa tiếng mẹ đẻ vào ngoại ngữ. Trong việc biên soạn sách giáo khoa ngày nay, người ta đã chú ý đến yếu tố văn hóa trong ngữ liệu đưa vào sách và các bài kiểm tra sao cho người học vừa có thể hiểu và sử dụng ở mức độ nào đó những hiểu biết của mình về hai văn hóa giao thoa trong bài học ngoại ngữ. Nội dung, ngữ liệu sách giáo khoa cho người học thuộc cộng đồng ngôn ngữ khác nhau cũng khác nhau không chỉ về hình thái (ngữ âm, ngữ pháp) mà cả về đặc điểm và sự khác biệt về văn hóa.

Nguồn tư liệu để dạy và học ngoại ngữ ngoài những sách giáo khoa thông thường còn sản phẩm của văn hóa folklore. Những sản phẩm này được coi là một nguồn tư liệu sinh động. Những giai điệu, lời hát dân ca giúp người học cảm thụ được sắc thái biểu cảm, chiều sâu của ngôn ngữ. Bản thân mỗi thứ tiếng đều mang trong mình nhạc tính ở mức độ kết tinh (Allport [1, tr.196]). Thông qua ngữ điệu, người nói đã có thể biểu lộ được nghĩa bề sâu của ngôn từ.

## Những điều cần cân nhắc trong bài kiểm tra

### \* Bài kiểm tra ngoại ngữ cần công bằng, trung tính về văn hóa (Culture fair)

Một bài kiểm tra được coi là công bằng, trung tính về văn hóa khi không thiên vị đối với một nhóm thí sinh thuộc nhóm văn hóa cụ thể nào. Bài kiểm tra đó dựa trên những điểm chung đối với tất cả thí sinh dự thi (Richards).

### \* Sự thiên lệch trong kiểm tra - đánh giá

Như trên đã bàn, khi biên soạn chương trình và sách giáo khoa cho người học, người ta chú ý đến cả những khác biệt văn hóa khi hai nền văn hóa giao thoa trong ngữ liệu. Trong kiểm tra - đánh giá năng lực ngoại ngữ, người ta cũng chú ý tránh sự thiên lệch (bias). Để tránh sự thiên lệch bài kiểm tra cần được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, ví dụ như về sắc tộc, giới tính, tuổi tác, ngôn ngữ và văn hóa xuất xứ, trình độ kiến thức nền của người học.

Chúng ta xét tiểu mục trong ví dụ sau đây:

*Bananas are \_\_\_\_\_*

*(a) brown, (b) green, (c) yellow.*

Nếu chỉ một trong 3 câu trả lời trong tiểu mục trên được đánh dấu là *Đúng*, tiểu mục này đã *thiên lệch* có lợi cho thí sinh thuộc một nhóm văn hóa cụ thể. Trong thực tế, bất kỳ lựa chọn nào trong 3 đáp án trên cũng đúng, tùy thuộc từng cộng đồng văn hóa khác nhau (Richards).

Như vậy, một bài kiểm tra có thể coi là thiên lệch nếu nội dung có lợi cho một nhóm thí sinh này và bất lợi cho nhóm thí sinh khác theo những yếu tố nêu trên. Một bài kiểm tra năng lực ngoại ngữ chung, không nên đưa ra những chi tiết có tính đặc thù của một lĩnh vực chuyên môn sâu nào đó. Những thông tin như vậy, cần được xem xét kỹ trước khi đưa vào bài kiểm tra sao cho, không làm ảnh hưởng đến kết quả làm bài thí sinh không thuộc lĩnh vực chuyên môn đó. Đơn giản như người ta thường tránh những tên riêng hay địa danh không phổ biến, những sự kiện hay điển tích văn học, lịch sử, v.v..., không điển hình mà chỉ một số ít người biết - nếu không, đó có thể là những "bẫy" hoặc "đánh đố", một điều nên tránh trong đánh giá nói chung.

Chúng ta xem một số ví dụ minh họa sau đây.

### BLACK BONNET

The train stopped. Miss Esther stood far back to get away from the smoke and roar. As the cars pulled away, she took a few steps forward to scan the platform. There was no black bonnet with a worn lace veil, no old lady with a burden of bundles. There were only the station master, a boy or two, and a clean-faced bent old man with a bird cage in one hand and an old carpetbag in the other.

1. What did Miss Esther expect to see?

- A. a bird cage      B. a lot of people  
C. a black bonnet   D. an old lady

2. ...

(Hill & Larson [6])

Đối với người lớn có kiến thức văn hóa, có kinh nghiệm sống thực tế, đặc biệt quen thuộc với các hình tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết, việc liên tưởng giữa *black bonnet*, *a worn lace veil* với một thiếu phụ có tuổi không khó khăn lắm, do vậy có thể chọn câu trả lời đúng dễ dàng. Đối với trẻ em hay người lớn ít kiến thức về một thời kỳ văn học cụ thể bài đọc hiểu trên sẽ là một bài có câu hỏi khó và bị coi là thiên lệch.

Năm 1987, tỷ lệ học sinh nữ ở Mỹ thi đậu đại học qua kỳ thi SAT thấp hơn nhiều so với nam học sinh. Bộ phận nghiên cứu của ETS (Mỹ) tiến hành một điều tra nghiên cứu và cho biết bài thi do ETS viết có chứa những câu hỏi thiên lệch bất lợi cho nữ sinh.

Trong một bài nghe hiểu của Cambridge, thí sinh người Việt hầu hết không tìm được đáp án đúng khi được yêu cầu nghe và đánh dấu đúng hình của chiếc chìa khóa được nói tới. Câu đó yêu cầu người nghe chọn trong bốn hình, trong đó có hai hình chìa khóa: A) chìa khóa xe mô tô, B) chìa khóa xe ô tô. Khi xem kết quả, hầu hết thí sinh không chọn đúng, không phải vì họ không nghe được mà vì không thể phân biệt được chiếc nào là chìa khóa ô tô và chiếc nào là chìa khóa xe máy, mặc dù trên hai chìa khóa đó đều có in tên hãng ô tô hoặc mô tô - nhưng tất cả đều xa lạ với thí sinh. Lý do rất đơn

giản là, họ chưa quen sử dụng ô tô và nhất là ô tô của Anh, cho nên sự khác nhau giữa hai chiếc chìa khóa đó là không có giá trị. Những câu hỏi như vậy được coi là *culture-biased*, không đánh giá đúng khả năng nghe hiểu của thí sinh và mất tính giá trị.

\* *Tỷ trọng về yếu tố văn hóa trong bài kiểm tra*

Như trên đã thảo luận, ngôn ngữ và văn hóa có quan hệ chặt chẽ với nhau. Yếu tố văn hóa trong nhiều trường hợp được hàm chứa trong ngôn từ và lối biểu đạt, diễn đạt bằng ngôn ngữ hay bằng yếu tố phi ngôn ngữ. Việc đưa câu hỏi có chứa yếu tố văn hóa vào bài kiểm tra cần phân tích và xem xét kỹ nhu cầu và mục đích giao tiếp của người học. Ngoài ra, trình độ của người học cũng cần được xét. Với trình độ thấp, bài kiểm tra nên chú trọng kiểm tra về hình thái ngôn ngữ nhiều hơn.

**Biện pháp khắc phục lỗi văn hóa qua học tập**

Trong quá trình học, có nhiều cách tiếp cận để hiểu về TLC. Một trong những con đường là người học ngoại ngữ cần có cơ hội được so sánh, đối chiếu và được ý thức về những khác biệt giữa văn hóa ngoại ngữ (TLC) và văn hóa tiếng mẹ đẻ (SLC) thông qua những so sánh trong tình huống cụ thể (Suu, 1999).

Trong quá trình tiếp xúc với TLC, người học (sử dụng) ngoại ngữ có những chuyển biến về thái độ. Đó là lúc họ có tiến bộ và thấy tự tin trong quá trình học tập. Mục đích của những hoạt động trên lớp, bài tập, các tình huống mô phỏng hay hoạt động thực địa nhằm giúp người học ý thức về những khác biệt cũng như tương đồng giữa TLC và SLC. Những hoạt động như vậy góp phần tạo ra sự thay đổi trong thái độ một cách có ý thức, tức là chủ yếu thông qua học - chứ không phải chỉ thông qua dạy - như Nêrô đã viết "*Văn hóa là cái gì đó để cho người ta học hơn là để dạy*".

Đối với những người tham gia trong quá trình dạy và học ngoại ngữ, nhận xét của Brooks [3, tr.123] rằng, nếu chúng ta dạy ngôn ngữ mà không đồng thời dạy về văn hóa của thứ tiếng đó thì, chúng ta đang dạy những ký hiệu vô nghĩa hoặc những ký hiệu mà người học gắn với ý nghĩa sai lệch đã thay lời kết luận. Với ý nghĩa như vậy, cái tên "Khoa ngôn ngữ và văn hóa X" đặt cho các khoa ngoại ngữ hiện nay thật vừa thừa nhưng lại vừa thiếu.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Allport, G., *The language of Prejudice*. Language Awareness., New York, St Martin's Pres, 1978.
2. Bachman, L., *Fundamental Considerations in Language Testing*, OUP, Oxford, New York, Toronto, 1991.
3. Brooks, N., *Culture in the Classroom. Culture Bound by Joyce Merrill Valdes*, CUP, Cambridge, New York, 1989.



4. Dictionary of English Language and Culture. Longman, 1995.
5. Goodenough W.H., *Cultural Anthropology and Linguistics*, Georgetown University Press, 1957.
6. Hill C. & Larson, *Testing Reading*, New York, Mac Millan, 1995.
7. Hudson, R.A., *Sociolinguistics*, CUP, London, New York, 1991.
8. Osterloh, K., *Intercultural Differences and Communicative Approaches to Foreign Language Teaching in the Third World, Culture Bound* by Joyce Merrill Valdes, CUP, Cambridge, New York, 1989.
9. Richards, J.C., *Dictionary of Applied Linguistics and Language Teaching*, 1992.
10. Suu, Nguyen Phuong, *A Cross-cultural Study of Greeting in Vietnamese and English*. University of Canberra Library, 1990.
11. Suu, Nguyen Phuong, *Giving and Receiving Compliments in Vietnamese and English*. Discourse Analysis Papers Series, University of Canberra Library, 1990.
12. Valdes, *Culture Bound*, CUP, Cambridge, New York, 1988.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T XIX, N<sup>o</sup>1, 2003

## CULTURE IN FOREIGN LANGUAGE EDUCATION AND ASSESSMENT OF LANGUAGE COMPETENCE

**MA Nguyen Phuong Suu**

*Center for Testing and Quality Assurance*

*College of Foreign Languages - VNU*

The theory and practice of foreign language education affirms the existence of an organic interaction between language and culture since the final goal of this process is to develop a communicative competence according to the particular conventions of a particular cultural-linguistic community. In this connection, it may be true to say that the attitude a learner forms towards either the culture or the target language may invariably change as he or she progresses.

This paper assumes the possibility of testing and measuring or assessing a learner's cultural knowledge of certain aspects. However, it is essential that this process should be fair, cultural-neutral, unbiased, and reasonable in its cultural content.